



**BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI TÂY
NĂM HỌC 2023-2024**

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Minh chứng
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	100	74	Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm dưới 50 Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm từ 50 đến 75 Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm trên 75
1.1	Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp)		Điều kiện bắt buộc	Các kế hoạch, quy chế được ban hành và công khai trên cổng thông tin điện tử http://thhaitayhh.edu.vn và thông báo tới toàn bộ cán bộ, GV, NV của nhà trường từ đầu năm học.
1.2	Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến		Điều kiện bắt buộc	
1.3	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:	30	25	- Có hướng dẫn sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến (tên phần mềm, đường liên kết, vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên sử dụng): hệ thống OLM, Phần mềm Google Meet; Zoom - Có hồ sơ về thiết kế và chức năng của hệ thống phần mềm được áp dụng: Phần mềm https://www.vnedu.vn/ - Thông tin liên hệ của người được phân công quản trị hệ thống trên cổng thông tin của đơn vị: Phạm Thị Thuý Hằng-GV Tin học. - Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống với từng chức năng: Kết quả thực hiện tốt.
1.3.1	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (OLM)	6	6	
1.3.2	(1) Có chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học	6	5	
1.3.3	(2) Có chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	6	5	
1.3.4	(3) Có chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	6	5	
1.3.5	(4) Có chức năng cha mẹ học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	6	4	
1.4	Số hóa các học liệu			- Số lượng học liệu được tính là số học liệu được cán bộ, giáo viên, nhân viên tạo mới trong năm học: ... Bài giảng và 05 Thiết bị dạy học số (theo đường link....) Khối 1:

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Minh chứng
		10	3	https://drive.google.com/drive/folders/1WWsx11CJ_k2Ap_6AGrdTcb3L53uw8YI3?usp=drive_link Khối 2: Khối 3: https://drive.google.com/drive/folders/1F-fge9mDfgwLRy0ozyZDeq-wM-Ox6gsa?usp=drive_link Khối 4: https://drive.google.com/drive/folders/1WfJ5h8vcXLb4yJqYpb3Y1u2WeNNUVPO6?usp=drive_link https://drive.google.com/drive/folders/1bPj5jvIhLLSdf4vgBFeuARm1_HR3qhkw?usp=drive_link Khối 5: https://drive.google.com/drive/folders/1WriseC5FHefcF8QVtGR90Xzah-9Rwz_2?usp=drive_link
1.5	Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	20	15	
1.5.1	Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	15	10	
1.5.2	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	5	5	
1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số	20	18	Có kế hoạch triển khai tham gia các khoá bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn
1.6.1	Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7	7	- Có Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, kết quả bồi dưỡng trên hệ thống https://taphuan.cSDL.edu.vn/ . - Tên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến được sử dụng: https://taphuan.cSDL.edu.vn/ - Danh sách bài giảng/học liệu số giáo viên đã xây dựng
1.6.2	Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy	7	7	Khối 1: https://drive.google.com/drive/folders/1WWsx11CJ_k2Ap_6AGrdTcb3L53u

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Minh chứng
	học			
1.6.3	Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	6	4	w8YI3?usp=drive_link Khối 3: https://drive.google.com/drive/folders/1F-fge9mDfgwLRy0ozyZDeq-wM-Ox6gsa?usp=drive_link Khối 4: https://drive.google.com/drive/folders/1WfJ5h8vcXLb4yJqYpb3Y1u2WeNNUVPO6?usp=drive_link https://drive.google.com/drive/folders/1bPj5jvIhLLSdf4vgBFeuARm1_HR3qhkW?usp=drive_link Khối 5: https://drive.google.com/drive/folders/1WriseC5FHefcF8QVtGR90Xzah-9Rwz_2?usp=drive_link - 100% cán bộ quản lý biết sử dụng, khai thác dữ liệu từ các phần mềm, hệ thống CNTT của đơn vị đang triển khai để phục vụ công tác quản lý, điều hành như: phần mềm quản lý nhà trường, CSDL ngành, quản lý văn bản điện tử, Công thông tin điện tử...
1.7	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học	20	13	- Có kế hoạch kiểm tra, rà soát, đầu tư, duy trì, vận hành, quản lý hạ tầng CNTT cần bám sát nhu cầu sử dụng và đảm bảo hiệu quả. - Ban hành nội quy, phân công trách nhiệm quản lý, giám sát và vận hành;
1.7.1	Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8	8	Có Bảng danh mục trang thiết bị các phòng học (19 phòng/19lớp, Số Tivi kết nối internet: 19, 01 máy chiếu và trang thiết bị khác).100% các phòng học đảm bảo theo yêu cầu.
1.7.2	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học	7	5	Bảng tổng hợp, thống kê số lượng phòng dạy môn tin học và trang thiết bị của phòng học của đơn vị: Có kết nối internet, mạng lan, 18 máy tính, 01 máy chiếu. Phòng thực hành môn tin học đảm bảo trang thiết bị dạy học tối thiểu môn tin học theo quy định hiện hành



STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Minh chứng
1.7.3	Có phòng studio	5	0	Không có phòng Studio
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100	81	Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm dưới 50 Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm từ 50 đến 75 Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm trên 75
2.1	Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		Điều kiện bắt buộc	Có quyết định của thủ trưởng đơn vị. Quyết định và danh sách thành viên các bộ phận, phân công nhiệm vụ các thành viên được ban hành từ đầu năm học và công bố trên cổng thông tin. Trong đó có phân công lãnh đạo phụ trách đ/c Trần Thị Lựa và đ/c Phạm Thị Thuý Hằng GV tin học làm đầu mối triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục.
2.2	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		Điều kiện bắt buộc	- Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học. Kế hoạch cần thể hiện mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của Sở GDĐT, của cơ quan quản lý trực tiếp, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị. - Tuyên truyền kế hoạch tới toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của đơn vị
2.3	Triển khai phần mềm quản trị nhà trường	70	64	
2.3.1	Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà	6	6	- Xây dựng và ban hành quy chế, quy định/ hướng dẫn sử dụng/phân công trách nhiệm về quản lý, khai thác đối với các hệ thống, phần mềm, trang thiết

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Minh chứng
	trường			bị của đơn vị: Có Kế hoạch Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường. - Triển khai các văn bản trên tới các thành viên có liên quan của đơn vị.
2.3.2	Triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	6	6	- Các hệ phần mềm được triển khai được ghi trong Kế hoạch ứng dụng CNTT. - Nhà trường đã triển khai các ứng dụng, phần mềm https://www.vnedu.vn/ có khả năng kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT đã triển khai và theo kế hoạch chuyển đổi số của ngành. - Có sử dụng học bạ điện tử. - Có sử dụng chứng thư số đối với lãnh đạo, giáo viên.
2.3.3	Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	10	7	
2.3.4	Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CB, GV, NV	6	6	
2.3.5	Triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	6	5	
2.3.6	Triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	5	5	
2.3.7	Triển khai phân hệ quản lý kế toán	6	6	
2.3.8	Triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử	5	3	
2.3.9	Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên	5	5	
2.3.10	Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Công thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...	5	5	quản lý văn bản điện tử http://vpdntd.vnptioffice.vn/ Công thông tin điện tử http://thhaitayhh.edu.vn
2.3.11	Triển khai các phần mềm quản trị nhà trường đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT	10	10	Các phần mềm/phần hệ có kết nối trao đổi được dữ liệu https://vneEdu.vn

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Minh chứng
2.4	<i>Triển khai dịch vụ trực tuyến</i>	30	17	- Các dịch vụ triển khai được ghi trong Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số. - Công khai các quy chế/hướng dẫn sử dụng/mức thu đối với các dịch vụ trực tuyến
2.4.1	Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường.	12	12	Sử dụng trang Web và nhóm Zalo
2.4.2	Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	8	0	Không có
2.4.3	Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	10	5	- Tên phần mềm, ứng dụng đơn vị đã triển khai, tên nhà cung cấp của dịch vụ: Agribank - Thống kê, tổng hợp số tiền thu phí dịch vụ không dùng tiền mặt, tỷ lệ thu đạt 50%